| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN T**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST<br>Ngày: 24 - 02 - 2023<br>V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm*

Ông Lê Đăng Thiện

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Hân. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tỉnh. Kiểm sát viên.***

Ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc: " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Đỗ Xuân V, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh V tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có tổ chức

cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Giang, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không được một năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V thường xuyên rượu chè rồi về chửi bới, đánh đập chị. Chị và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh V vẫn không thay đổi. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Đỗ Bá S, sinh ngày 25/11/2014 và Đỗ Quốc B, sinh ngày 18/8/2020.

Ly hôn, nguyện vọng của chị là được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Bản thân chị kinh doanh tại nhà, buôn bán phân bón, thuốc B vệ thực vật, lúa giống thu nhập khoảng 10.000.000 đ đến 12.000.000 đ/tháng, đủ điều kiện để nuôi cả hai con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Đỗ Xuân V vắng mặt, tại bản tự khai ngày 09/02/2023 và tại buổi hòa giải ngày 14/02/2023 anh V trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Giang, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh hay uống rượu rồi về chửi bới vợ con. Nhưng anh chỉ không kiểm soát được bản thân khi uống rượu còn bình thường thì tình cảm vợ chồng anh vẫn tốt. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Đỗ Bá S, sinh ngày 25/11/2014 và Đỗ Quốc B, sinh ngày 18/8/2020.

Hiện nay các cháu vẫn đang ở cùng với vợ chồng anh, trường hợp nếu phải ly hôn, anh đồng ý để cho chị H nuôi cả hai con chung, nếu chị H không nuôi thì anh sẽ nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H phải cấp đưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 13/02/2023, đại diện UBND xã T cho biết: Chị Lê Thị H và anh Đỗ Xuân V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại xã Xuân Giang vào ngày 04/3/2014, quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là: Đỗ Bá S, sinh ngày 25/11/2014 và Đỗ Quốc B, sinh ngày 18/8/2020. Mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng thì địa pH không nắm bắt được.

Tại bản tự khai ngày 02/02/2023, cháu Đỗ Bá S trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư

ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đã vi phạm vào các Điều 70; Điều72 của Bộ luật tố tụng dân sự , tuy nhiên vi phạm đó không không ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc giải quyết vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 ; Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H đối với bị đơn là anh Đỗ Xuân V; Về con chung: Giao 02 con chung là Đỗ Bá S, sinh ngày 25/11/2014 và Đỗ Quốc B, sinh ngày 18/8/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn là anh Đỗ Xuân V có địa chỉ tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Đỗ Xuân V đã có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Đỗ Xuân V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Giang, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/3/2014, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H cho rằng vợ chồng chung sống chưa được một năm đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V hay uống rượu rồi về nhà chửi bới và đánh đập chị, chị và gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng anh V vẫn không chịu thay đổi. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh V cũng công nhận anh có hay uống rượu và mỗi lần như vậy anh lại không kiểm soát được bản thân nên có chửi bới vợ con. Tuy nhiên, anh cho rằng những lúc bình thường thì tình cảm vợ chồng anh vẫn tốt nên anh không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án anh V đã nhiều lần không hợp tác, không ký nhận cũng như trình bày ý kiến của mình, anh

V cũng đã được Tòa án tống đạt trực tiếp quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh V không đến, điều này chứng tỏ anh V không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 57 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Đỗ Xuân V là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Bá S, sinh ngày 25/11/2014 và Đỗ Quốc B, sinh ngày 18/8/2020.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của chị H thì thấy rằng: Anh V thường xuyên uống rượu và không kiểm soát được bản thân, mặt khác anh V cũng đồng ý để cho chị H nuôi dưỡng cả hai cháu, trường hợp chị không nuôi thì anh mới có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Bên cạnh đó cháu Đỗ Quốc B dưới 36 tháng tuổi rất cần có sự chăm sóc của người mẹ và cháu Đỗ Bá S tại bản tự khai ngày 02/02/2023 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, chị H có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng từ 10.000.000 đ đến 12.000.000 đ đủ điều kiện để nuôi dưỡng cả hai con chung. Vì vậy, căn cứ điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung như sự tự nguyện của chị H là phù hợp. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ của vợ chồng: Chị H và anh V đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[ 3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[ 4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điểm a khoản 1 điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Đỗ Xuân V.

2. Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Đỗ Xuân V có 02 con chung là Đỗ Bá S, sinh ngày 25/11/2014 và Đỗ Quốc B, sinh ngày 18/8/2020.

Giao cả hai con chung là Đỗ Bá S và Đỗ Quốc B cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đỗ Xuân V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Xuân V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014491 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSNDhuyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Ngọc Công**